



ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP TRONG BỐI CẢNH VPA-FLEGT- CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG

Nguyễn Thanh Hiền^{a*}, Vũ Thị Bích Hợp^a, Nguyễn Phú Hùng^a Nguyễn Việt Dũng^b

^aTrung tâm Phát triển Bền Vững (SRD)

^bCán bộ tư vấn độc lập

ABSTRACT

The voluntary partnership agreement on the enhancement of forest law enforcement, governance and trade is one of the EU's initiative aims at dismissing illegal timber in international and internal trade from country's member, including Vietnam. The timber enterprises have to adjust their business and production plan to ensure timber and timber products are from legal sources. The majority of timber enterprises have adjusted their plan. In contrast, still, a number of enterprises have not done. Which factors affect the enterprise's decision about doing adjustment their business and production plan? The study surveyed eighty-sixes enterprises locating in seven provinces in Vietnam and adopted the logistic regression model for data analysis. The study showed out of six factors, only the element of the knowledge level of business leader about VPA-FLEGT has a significant correlation, a strong influence on the decision of business leader to adjust the business and production plan. The differences in the knowledge level among business leaders was due to their significant difference in accessing to VPA-FLEGT. The study identifies the firms, in provinces with associations and NGOs that are working and supporting the enterprises through activities, such as consultation, seminars, and research, etc., have accessed to information about VPAs was much higher than other provinces. This means that the operation of associations and NGOs are necessary for the implementation of VPA-FLEGT.

Key words: *Factor, decision, business and production plan, enterprise, VPA-FLEGT*

TÓM TẮT

Hiệp định đối tác tự nguyện về tăng cường thực thi luật lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại (VPA-FLEGT) là một trong những sáng kiến của liên minh Châu Âu nhằm loại trừ gỗ sản xuất bất hợp pháp trong thương mại quốc tế và nội địa ở các quốc gia thành viên, trong đó có Việt Nam. Các doanh nghiệp sản xuất gỗ phải có những bước điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh để đảm bảo gỗ và các sản phẩm từ gỗ có nguồn gốc hợp pháp. Một bộ phận doanh nghiệp đã tiến hành điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh nhưng cũng còn một bộ phận không nhỏ chưa thực hiện điều chỉnh, các nhân tố nào đã tác động lên quyết định điều chỉnh của DN. Nghiên cứu này đã khảo sát 86 doanh nghiệp vừa và nhỏ, phân bố tại bảy tỉnh khác nhau của Việt Nam và sử dụng mô hình hồi quy logistic để phân tích dữ liệu. Kết quả nghiên cứu nhận thấy trong sáu nhân tố, chỉ có nhân tố mức độ hiểu biết của lãnh đạo doanh

nghiệp có mối tương quan rất có ý nghĩa, ảnh hưởng mạnh đến quyết định điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh của DN. Sở dĩ mức độ hiểu biết về VPA-FLEGT khác nhau giữa các lãnh đạo doanh nghiệp là do số lượt tiếp cận thông tin giữa các lãnh đạo doanh nghiệp có sự khác nhau. Nghiên cứu cũng đã nhận thấy các doanh nghiệp tại một số tỉnh nơi có các hội/hiệp hội, hay các tổ chức NGOs đang hoạt động, hỗ trợ thông qua các tham vấn, hội thảo, nghiên cứu,... thì số lượt tiếp cận của các DN với thông tin VPA-FLEGT cao hơn nhiều so với các nơi khác. Điều này cho thấy hoạt động của các hội/hiệp hội và NGOs là rất có ý nghĩa trong quá trình thực thi VPA-FLEGT.

Từ khóa: Nhân tố, quyết định, kế hoạch sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp, VPA-FLEGT

1. GIỚI THIỆU

Việt Nam và liên minh Châu Âu đã theo đuổi sáng kiến đối tác tự nguyện về tăng cường thực thi luật lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại lâm sản (VPA-FLEGT) nhằm thúc đẩy sản xuất gỗ hợp pháp. Năm 2018, sau một thời gian dài đàm phán, hai bên đã chính thức ký phê chuẩn hiệp định VPA-FLEGT. Hiệp định chính thức có hiệu lực từ ngày 1/6/2019 (VCCI, 2019).

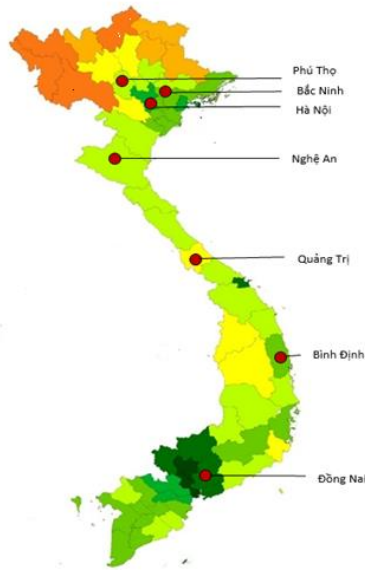
Cuối năm 2018, Việt Nam đã có khoảng 4.500 doanh nghiệp (DN) kinh doanh, chế biến gỗ và lâm sản, bao gồm các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (600 DN), số còn lại 3900 DN là các DN trong nước, các doanh nghiệp vừa chế biến vừa trực tiếp xuất khẩu chiếm 30,3% (NN&PTNT, 2018). Khoảng 500.000 lao động, trong đó lao động được đào tạo, làm việc ổn định chiếm 55-60%, còn lại là lao động giản đơn theo mùa vụ (40-45%) đang làm việc tại các DN.

Theo quy định của VPA-FLEGT thì gỗ dù sản xuất trong nước hay xuất khẩu đều phải đảm bảo nguồn gốc gỗ hợp pháp. Dự kiến, giấy phép FLEGT đầu tiên sẽ được cấp vào cuối năm 2021. Do vậy, các DN cần phải có kế hoạch điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh (KH-SXKD) của mình để đảm bảo gỗ hợp pháp. Thực tế cho thấy có nhiều DN đã tiến hành điều chỉnh KH-SXKD nhưng bên cạnh đó cũng còn có một bộ phận không nhỏ các DN vẫn chưa tiến hành. Có nhiều nhân tố khác nhau tác động lên quyết định của DN về việc điều chỉnh này, do vậy thực sự cần thiết để hiểu được những nhân tố nào là có tác động mạnh lên quyết định điều chỉnh KH-SXKD của DN nhằm đảm bảo gỗ hợp pháp.

2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành trên 8 tỉnh thuộc năm vùng địa lý của cả nước: Hà Nội và Bắc Ninh- Đồng bằng Sông Hồng; Phú Thọ-Đông Bắc; Nghệ An và Quảng Trị-Bắc Trung Bộ; Bình Định-Nam Trung Bộ, và Đồng Nai-Đông Nam Bộ.



Hình 1. Các điểm nghiên cứu

Các doanh nghiệp và cơ sở chế biến gỗ của Hà Nội phân bố chủ yếu tại các làng nghề như Chàng Sơn, Canh Nậu (huyện Thạch Thất), Sơn Đồng (huyện Hoài Đức), Vạn Điểm, Văn Tự (huyện Thường Tín), Chuyên Mỹ, Tân Dân (huyện Phú Xuyên), Vân Hà (huyện Đông Anh) và Liên Hà, Liên Trung (huyện Đan Phượng). Toàn tỉnh có khoảng có 258 doanh nghiệp và 2.641 cơ sở hộ gia đình, lượng gỗ tiêu thụ hàng năm khoảng 379.123 m³ (Hà Nội Mới, 2018). Tỉnh Bắc Ninh nằm trong tam giác tăng trưởng kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, diện tích tự nhiên là 822,7 km². Tỉnh Bắc Ninh có năm nhóm làng nghề truyền thống nổi tiếng, trong đó có làng nghề liên quan đến chế biến gỗ là làng nghề gỗ mỹ nghệ Đồng Kỵ (huyện Từ Sơn), với hơn 200 doanh nghiệp đang chế biến gỗ (Nguyễn, 2017).

Tỉnh Phú Thọ có diện tích rừng và đất rừng lớn với 188.000 ha, trong đó diện tích đất rừng sản xuất khoảng 120.000 ha, toàn tỉnh có 2.700 cơ sở kinh doanh chế biến gỗ, trong đó có gần 600 doanh nghiệp có vốn đầu tư vừa và nhỏ chủ yếu sản xuất ván dăm, gỗ ván MDF (Phuong & Nguyễn, 2019).

Diện tích đất được quy hoạch phát triển lâm nghiệp tại Nghệ An chiếm 71,6% tổng diện tích đất tự nhiên toàn tỉnh. Toàn tỉnh có trên 783.699 ha đất có rừng tự nhiên, diện tích chưa có rừng là gần 279.207 ha với gần 143 doanh nghiệp đang hoạt động trong lĩnh vực chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ (Vietnam biz, 2019)

Năm 2019, tỉnh Quảng Trị có diện tích rừng trồng tập trung ước đạt trên 112.127 ha; diện tích rừng sản xuất đạt khoảng 114.932 ha; có trên 23.400 ha rừng trồng đạt chứng chỉ FSC. có khoảng 115 doanh nghiệp, cơ sở hoạt động trong lĩnh vực chế biến gỗ tập trung chủ yếu ở các địa bàn như thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị và các huyện: Hải Lăng, Triệu Phong, Vĩnh Linh, Cam Lộ, Gio Linh, các sản phẩm chủ yếu là gỗ MDF, ván ghép thanh, ván ghép thanh, mộc mỹ nghệ, viên nén và dăm gỗ (Báo đầu tư, 2020)

Bình Định có diện tích rừng hiện có trên 310.634,65 ha, trong đó rừng tự nhiên là 204.922,44 ha, rừng trồng là 105.712,21 ha (rừng trồng sản xuất là 76.569,4 ha). Trên địa bàn tỉnh Bình Định hiện có 170 doanh nghiệp hoạt động chế biến gỗ và lâm sản với năng lực sản xuất hàng năm khoảng 350.000 m³ gỗ tinh chế và gần 1,5 triệu tấn gỗ dăm khô, tập trung phần lớn tại các KCN Phú Tài, Long Mỹ, nối liền Cảng biển quốc tế Quy Nhơn (VGB, 2014)

Đồng Nai, Bình Dương và TP.HCM là 3 tỉnh có số lượng doanh nghiệp chế biến gỗ nhiều nhất của khu vực Đông Nam Bộ, các cơ sở chế biến gỗ của Đồng Nai tập trung nhiều ở thành phố Biên Hòa, Trảng Bom, Nhơn Trạch, Long Thành, Vĩnh Cửu. Kim ngạch xuất khẩu của tỉnh Đồng Nai là 1.500 triệu USD, chiếm gần 28% kim ngạch xuất khẩu cả nước (Trần, 2015)

2.2 Chọn mẫu và thu thập dữ liệu

Đối tượng được lựa chọn cho nghiên cứu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN) chế biến gỗ. Tiêu chí để xác định loại DNVVN được căn cứ theo Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật hỗ trợ DNVVN. Theo nghị định này thì căn cứ để xếp hạng DNVVN là dựa vào (i) số lượng lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân và (ii) tổng doanh thu của doanh nghiệp.

Nghiên cứu đã áp dụng kỹ thuật chọn mẫu phi ngẫu nhiên (non-probability sampling) để chọn ra các doanh nghiệp. Trong kỹ thuật này, nghiên cứu đã sử dụng phương pháp chọn mẫu theo phán đoán (judgment), theo đó DN được lựa chọn dựa trên sự phán đoán tính phù hợp của DN với các tiêu chí chọn mẫu.

Đã có 89 doanh nghiệp tại 7 tỉnh được phỏng vấn trực tiếp, số lượng DN tại Hà Nội được phỏng vấn nhiều nhất (21%), đứng thứ hai là Nghệ An (19%), số lượng DN tham gia vào phỏng vấn tại Bắc Ninh là ít nhất.

2.3 Phân tích và xử lý số liệu

Số liệu sơ cấp thu thập được nhập vào trong excel. Số liệu sau khi được đưa vào excel thì được kiểm tra và làm sạch, có 89 doanh nghiệp được phỏng vấn nhưng sau khi kiểm tra và làm sạch thì nhóm nghiên cứu đã chọn ra 86 doanh nghiệp để tiếp tục đưa vào phần mềm thống kê R (R statistical software) để phân tích.

Hồi quy logistic (Logistic regression). Nghiên cứu đã áp dụng Binary logistic regression để phân tích cho hai nhóm biến (**Error! Reference source not found.**), bao gồm biến phụ thuộc là điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh, biến này nhận giá trị 1 nếu DN điều chỉnh và giá trị 0 nếu DN không có bất cứ điều chỉnh nào. Các biến độc lập các biến định danh (nominal), biến thứ bậc (ordinal) và biến liên tục (continuous variable).

Phân tích khác: Nghiên cứu cũng đã áp dụng Kruskal-Wallis test để phân tích P-value giữa các biến phi tham số (non parametric) để tìm hiểu về sự khác biệt giữa các nhóm. Ngoài ra, Pearson correlation cũng đã được áp dụng để tìm hiểu sự tương quan giữa 2 biến và hệ số tương quan giữa chúng.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1 Đặc điểm doanh nghiệp

Bốn loại hình DN được các DN chế biến gỗ (tại điểm nghiên cứu) đăng ký với nhà nước là doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (CTTNHH1TV), công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên (CTTNHH2TV) và công ty cổ phần (CTCP). Ba hình thức sở hữu của các công ty này là doanh nghiệp tư nhân (DNTN), doanh nghiệp nhà nước (DNNN), và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (DNVDTNN).

Bảng 1. Đặc điểm của các DN được khảo sát

	DNTN	CTTNHH1TV	CTTNHH2TV	CTCP	P value
1. Hình thức sở hữu					

DNNN	0	5	1	1	0,017
DNTN	2	15	28	33	
DNVDTNN	1	0	0	0	
2. Quy mô vốn điều lệ					
Dưới 3 tỷ	0	4	1	5	0,057
Trên 3 đến 20 tỷ	1	14	19	17	
Trên 20 tỷ đến 100 tỷ	1	2	8	10	
Trên 100 tỷ	1	0	1	2	
3. Quy mô doanh thu					
Dưới 10 tỷ	1	7	5	5	0,07
Trên 10 đến 50 tỷ	0	9	13	11	
Trên 50 đến 200 tỷ	1	4	6	13	
Trên 200 tỷ	1	0	5	5	
4. Số lượng ngành nghề trung bình	3	2	2	2	0,63

Xét theo hình thức sở hữu thì phần lớn các DN là DNTN, chiếm đến 90,7% (78/86 DN). Mặc dù hầu hết DN là DNTN nhưng loại hình doanh nghiệp được đăng ký rất khác nhau, 39,53% là CTCP, 33,72% là CTTNHH2TV, 23,26% là CTTNHH1TV, và chiếm tỷ trọng thấp nhất là loại hình DNTN (3,49%). Có thể thấy loại hình CTTNHH1TV và CTTNHH2TV được nhiều doanh nghiệp lựa chọn.

Quy mô vốn điều lệ của các loại hình DN có sự khác biệt, loại hình CTCP có mức vốn điều lệ trên 20 tỷ trở lên có 12/34 DN, số liệu này ở CTTNHH1TV, CTTNHH2TV, và DNTN lần lượt là 9/29, 2/20 DN, và 2/3DN. Có thể thấy quy mô vốn điều lệ của CTCP thường cao hơn CTTNHH1TV và CTTNHH2TV.

Số liệu nghiên cứu cho thấy giữa các loại hình DN có quy mô doanh thu khác nhau. Quy mô doanh thu của CTCP phần trên 50 tỷ đến 200 tỷ (38,2%) và trên 10 đến 50 tỷ (32,4%). Đối với các CTTNHH thì quy mô doanh thu phổ biến nhất là trên 10 đến 50 tỷ.

Các DN chế biến gỗ đăng ký nhiều ngành nghề kinh doanh khác nhau như chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, xuất nhập khẩu đồ gỗ, cung cấp dịch vụ lâm nghiệp... Kết quả phân tích cho thấy số lượng ngành nghề bình quân giữa các loại hình DN không có khác nhau, bình quân là 2-3 ngành nghề/loại hình DN, doanh nghiệp có số lượng ngành nghề ít nhất là 1 và nhiều nhất là 6 ngành nghề.

3.2 Các nhân tố tác động đến quyết định của doanh nghiệp

Hiệp định VPA-FLEGT đã bắt đầu có hiệu lực từ 1/6/2019, các hệ thống hỗ trợ thực hiện (VN-TLAS, cấp phép FLEGT) đang được chuẩn bị để sẵn sàng áp dụng khi thực hiện cấp giấy phép đầu tiên vào cuối năm 2021. Mặt khác, thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT về quản lý nguồn gốc và truy xuất lâm sản đã đi vào áp dụng, hướng dẫn các chủ rừng và doanh nghiệp CNCBG tuân thủ cung ứng gỗ/lâm sản hợp pháp. Những quy định này đặt ra yêu cầu cho các DN cần phải điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh để đảm bảo quy định về đảm bảo gỗ hợp pháp. Đã có 51/86 DN tiến hành điều chỉnh. Các điều chỉnh chủ yếu của các DN tập trung vào điều chỉnh nguyên liệu gỗ đầu vào, điều chỉnh về đảm bảo an toàn sản xuất kinh doanh, điều chỉnh về cải cách lao động...những điều chỉnh này là cần thiết để đảm bảo gỗ hợp pháp.

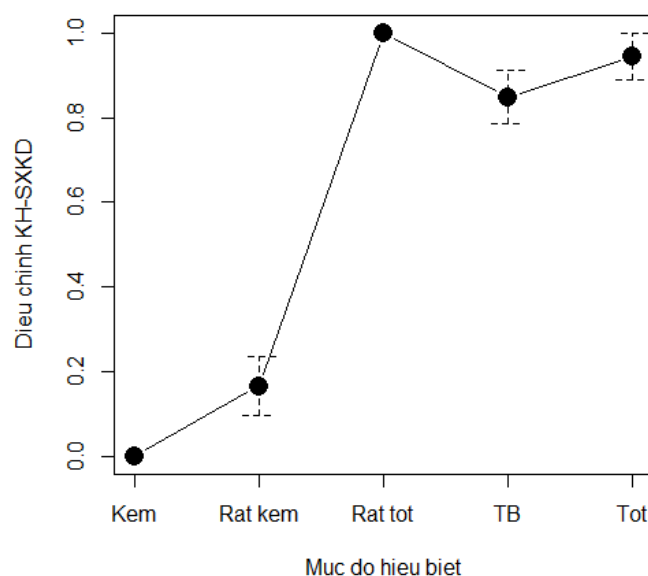
Bảng 2. Các nhân tố tác động đến quyết định điều chỉnh KH-SXKD của DN

	β	SE	z value
LHDN	-0.07	0.42845	-0.181

MDHB	1.616***	0.33882	4.770
HTSH	-1.73	1.22970	4.770
QMVDL	0.08	0.74929	0.113
QMDT	0.29	0.49687	0.603
SLNN	0.4	0.32339	1.323

Số liệu nghiên cứu cho thấy 59,3% DN đã tiến hành điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh trong khi cũng có đến 40,7% DN là chưa điều chỉnh. Sự khác biệt trong quyết định điều chỉnh của DN có chịu ảnh hưởng của các nhân tố khác nhau. Các giả định được đưa ra là quyết định điều chỉnh của DN có thể phụ thuộc vào quy mô doanh thu của DN, loại hình DN, hình thức sở hữu, quy mô vốn điều lệ, số lượng ngành nghề, mức độ hiểu biết của DN về VPA-FLEGT. Bảng cho thấy trong sáu nhân tố (biến độc lập) đã nêu thì chỉ có duy nhất nhân tố MDHB là có mối quan hệ tương quan có ý nghĩa (Sig=0,00), nghĩa là quyết định điều chỉnh cơ cấu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp chịu tác động rất lớn từ nhân tố MDHB mà không chịu tác động từ năm nhân tố còn lại.

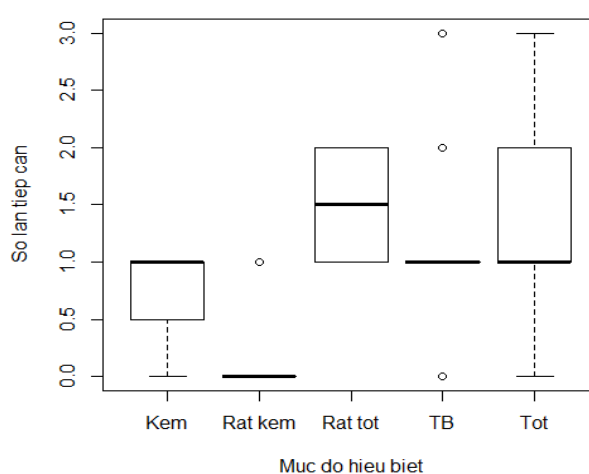
Nghiên cứu tiên hành phân tích mối tương quan giữa hai biến này thông qua một đồ thị như được trình bày bên dưới (Hình 2). Trục hoành thể hiện mức độ hiểu biết của lãnh đạo DN, có năm mức hiểu biết được nêu ra là rất kém, kém, trung bình, tốt, rất tốt. Trục tung thể hiện DN có quyết định điều chỉnh hay không điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh, 0 là hoàn toàn không có quyết định điều chỉnh và 1 là có quyết định điều chỉnh. Số liệu phân tích chỉ ra các 33 lãnh đạo DN tự nhận mình có MDHB kém và rất kém, trong đó 28/33 DN, tương ứng với 85% là chưa có quyết định điều chỉnh. Một cách trái ngược, các lãnh đạo DN có mức hiểu biết trung bình thì có đến 85% là đã có quyết định điều chỉnh. Ở các DN mà lãnh đạo có MDHB là tốt và rất tốt thì tỷ lệ DN ra quyết định điều chỉnh càng cao, 94,4% và 100%. Phân tích này cho thấy MDHB càng cao thì khả năng DN có quyết định điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh càng cao.



Hình 2. Mối tương quan giữa mức độ hiểu biết và quyết định điều chỉnh KH-SXKD của DN

3.2 Mức độ hiểu biết tương quan thuận với số lần tiếp cận thông tin của DN về VPA-FLEGT.

Mức độ hiểu biết về VPA-FLEGT của các lãnh đạo DN cao hay thấp có mối tương quan chặt chẽ đến việc lãnh đạo DN đã từng tiếp cận thông tin về VPA-FLEGT. Với mã hóa từ 0 đến 3 (trục tung), tương ứng với chưa tiếp cận, tiếp cận từ 1 đến 5 lượt, từ 6 đến 10 lượt, và trên 10 lượt. Kết quả nghiên cứu cho thấy trong 33 DN mà lãnh đạo có mức hiểu biết kém và rất kém thì có đến 75% là chưa tiếp cận, 25% còn lại thì mức tiếp cận từ 1 đến 5 lượt. Các DN mà lãnh đạo có mức hiểu biết trung bình, tốt hay rất tốt thì có số lần tiếp cận thường là 1 đến 5 lượt, và 6 đến 10 lượt, cá biệt có những lãnh đạo DN tiếp cận trên 10 lần. Phân tích tương quan pearson cũng cho thấy mức độ hiểu biết và số lượt tiếp cận có tương quan rất có ý nghĩa ($\text{sig} < 0,01$) và hệ số tương quan $r = 0,66$.



Hình 3. Số lần tiếp cận và mức độ hiểu biết của lãnh đạo DN

Các số liệu thống kê cho thấy có sự khác biệt rất có ý nghĩa về số lượt tiếp cận thông tin VPA-FLEGT giữa các tỉnh ($P = 0,00$). Trong bảy tỉnh nghiên cứu, hầu hết lãnh đạo các DN tại các tỉnh Tỉnh Bình Định, Quảng Trị và Đồng Nai tự đánh giá mức độ hiểu biết của mình là trung bình (14/31DN), tốt (16/31DN). Kết quả này khá phù hợp với vai trò và tham gia tích cực các hội/hiệp hội như VIFOREST, FPA-Bình Định, trong nỗ lực kết nối và thúc đẩy doanh nghiệp, làng nghề tham gia các sự kiện trong quá trình đàm phán VPA-FLEGT của nhà nước như tham vấn, góp ý, hoặc hợp tác với các tổ chức NGOs (như Forest Trends, EFI, SRD, CRD, Panature) thực hiện các nghiên cứu hoặc nâng cao hiểu biết cho lãnh đạo doanh nghiệp về khung nội dung LD và VNTLAS.

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

4.1 Kết luận

Gần 60% DN chế biến gỗ đã điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh để hướng tới đảm bảo gỗ hợp pháp theo VPA-FLEGT trong khi cũng còn gần 40% DN là chưa có quyết định này. Mức độ hiểu biết của các lãnh đạo DN về VPA-FLEGT có vai trò then chốt, tác động mạnh mẽ đến việc DN đưa ra quyết định điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh của họ.

DN tiếp cận nhiều lượt với VPA-FLEGT thì mức độ hiểu biết của lãnh đạo DN về nó cũng sẽ tăng lên rất nhiều và mức hiểu biết tăng lên là động lực quan trọng, nhân tố chính yếu để DN có quyết định điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh, đảm bảo tuân thủ các quy định về gỗ hợp pháp theo VPA-FLEGT.

Sự tham gia của các hội/hiệp hội, các tổ chức NGOs, các cơ quan nhà nước thông qua các quá trình hội thảo, tham vấn, nghiên cứu, kết nối đã tăng cường được số lượt tiếp cận của DN về VPA-FLEGT, qua đó thúc đẩy các DN sớm tiến hành điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh.

4.2 Kiến nghị

Hiện nay cũng còn một số lượng không nhỏ các DN vẫn chưa có quyết định điều chỉnh KH-SXKD, một trong những nguyên nhân đó là do mức độ hiểu biết của lãnh đạo DN tại một số nơi còn chưa cao. Vì vậy, cần tiếp tục nâng cao hiểu biết cho các DN này về VPA-FLEGT. Kết quả nghiên cứu cho thấy các hội/hiệp hội, NGOs là những thành phần quan trọng trong kết nối, nâng cao năng lực cho các DN. Do đó, việc thực thi VPA-FLEGT cần tiếp tục huy động sự tham gia từ các tổ chức hội/hiệp hội, NGOs này.

5. TÀI TRỢ

Nghiên cứu này được thực hiện như một phần của Dự án “Lâm nghiệp, Quản trị, Thị trường và Khí hậu (FGMC)”, tài trợ bởi Bộ Phát triển Quốc tế Vương quốc Anh (DFID) thông qua Fern, và được thực hiện bởi Trung tâm Phát triển Nông thôn Bền vững (SRD)

6. LỜI CẢM ƠN

Các tác giả xin chân thành cảm ơn dự án FGMC của DFID đã tài trợ cho nghiên cứu này. Chúng tôi cũng muốn gửi lời cảm ơn chân thành đến các tổ chức: Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Bình Định (FPA Bình Định), các tổ chức thuộc Mạng lưới VNGO-FLEGT là Liên hiệp các hội khoa học-kỹ thuật tỉnh Phú Thọ (PUSTA), Trung tâm Phát triển Nông thôn miền Trung (CRD), Trung tâm Môi trường và Tài nguyên sinh học tỉnh Nghệ An (CEBR), Phạm Đức Thiêng, Vietnam SmE Facilitator to the EU FLEGT Facility đã cùng đóng góp các thông tin có giá trị của họ cho báo cáo

7. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Mô tả các biến trong mô hình hồi quy logistic

Biến	Định nghĩa	Mô tả
ĐC	Điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh	Biến nhị phân, (1=có)
LHDN	Loại hình doanh nghiệp	Biến định danh, 1=DNTN, 2=CTNNHH1TV, 3=CTTNHH2TV, 4=CTCP
HTSH	Hình thức sở hữu	Biến định danh, 1=DNTN, 2=DNNN, 3=DNVĐTNN
MDHB	Mức độ hiểu biết của lãnh đạo doanh nghiệp về VPA-FLEGT	Biến thứ bậc, 1=Rất kém, 2=Kém, 3=Trung bình, 4=Tốt, 5=Rất tốt
QMVDL	Quy mô vốn điều lệ của DN	Biến thứ bậc, 1=<3 tỷ, 2=3 tỷ-20 tỷ, 3=>20 tỷ -100 tỷ, 4>100 tỷ
QMDT	Quy mô doanh thu của DN	Biến thứ bậc, 1=<10 tỷ, 2=10 tỷ-50

8. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Báo đầu tư. (2020). Quảng Trị đưa ngành công nghiệp chế biến gỗ thành thương hiệu mạnh trên thị trường. Retrieved from <https://baodautu.vn/quang-tri-dua-nganh-cong-nghiep-che-bien-go-thanh-thuong-hieu-manh-tren-thi-truong-d122410.html>
- Hà Nội Mới. (2018). Hà Nội có 2.899 cơ sở kinh doanh chế biến gỗ. Retrieved from <https://hanoimoi.com.vn/ban-in/Nong-nghiep/949853/ha-noi-co-2899-co-so-kinh-doanh-che-bien-go>
- Nguyễn, H. (2017). Top 5 thương hiệu làng nghề truyền thống hoạt động và phát triển tốt nhất ở Bắc Ninh. Retrieved from <http://bacninh.tintuc.vn/goc-bac-ninh/top-5-thuong-hieu-lang-nghe-truyen-thong-hoat-dong-va-phat-trien-tot-nhat-o-bac-ninh.html>
- NN&PTNT, B. (2018). Báo cáo Tổng quan ngành công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản xuất khẩu Việt Nam. Tài liệu phục vụ Hội nghị Định hướng, giải pháp phát triển nhanh, bền vững ngành chế biến gỗ và lâm sản xuất khẩu, tháng 8/2018.
- Phương, T., & Nguyễn, H. (2019). Để ngành công nghiệp chế biến gỗ phát triển bền vững. Retrieved from <http://baophutho.com.vn/kinh-te/201905/de-nganh-cong-nghiep-che-bien-go-phat-trien-ben-vung-164520>
- Trần, V. H. (2015). Thực trạng và giải pháp phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ vùng Đông Nam Bộ.
- VCCI. (2019). Hiệp định VPA-FLEGT chính thức có hiệu lực từ ngày 1/6/2019. Retrieved from <https://trungtamwto.vn/hiiep-dinh-khac/13138-hiep-dinh-vpaflegt-chinh-thuc-co-hieu-luc-tu-ngay-0162019>
- VGB. (2014). Bình Định đẩy mạnh ngành chế biến gỗ. Retrieved from <http://baochinhphu.vn/Hoat-dong-dia-phuong/Binh-Dinh-day-manh-nganh-che-bien-go/193486.vgp>
- Vietnam biz. (2019). Nghệ An quyết tâm trở thành trung tâm chế biến gỗ. Retrieved from <https://vietnambiz.vn/nghe-an-quyet-tam-tro-thanh-trung-tam-che-bien-go-20190326144147986.htm>